

Số: /BC - LĐTBOXH

Đắk Nông, ngày....tháng 7 năm 2017

**BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢM
NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2016 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017**

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội báo cáo đánh giá tình hình triển khai, thực hiện công tác giảm nghèo bền vững năm 2016 và 6 tháng đầu năm 2017, cụ thể như sau:

I. Kết quả thực hiện công tác giảm nghèo năm 2016 và 06 tháng đầu năm 2017

1. Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện

Để triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững theo tinh thần tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020; Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 27 tháng 7 năm 2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Nông về công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020; Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2016 – 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các Quyết định, chương trình hành động cụ thể, thiết thực để thực hiện công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trên cơ sở Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy, căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành đã có 10/12 Sở, ban, ngành (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo, Công thương, Thanh tra tỉnh, Đài phát thanh và Truyền hình, Ban Dân tộc tỉnh) đã xây dựng Chương trình hành động cụ thể hóa, triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 04-NQ/TU và Quyết định số 1908/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Ngoài ra, 08 huyện, thị xã căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mình đều đã ban hành Nghị quyết, Chương trình hành động, Kế hoạch giảm nghèo của từng địa phương nhằm thực hiện đầy đủ các mục tiêu, chỉ tiêu mà chương trình giảm nghèo đề ra đến năm 2020. Đây là cơ sở quan trọng trong công tác chỉ đạo, điều hành cho việc thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020.

2. Nguồn lực triển khai thực hiện Chương trình:

- Tổng kinh phí đã bố trí để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2016 là 802,373 tỷ đồng. Trong đó:

+ Nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng áp dụng cơ chế theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP để thực hiện cho huyện Đắk Glong là 14,7 tỷ đồng, ngân sách Trung ương hỗ trợ 100%.

+ Nguồn kinh phí thuộc các dự án, đề án, vốn tín dụng: 536,4 tỷ đồng.

- Hiện nay, nguồn kinh phí thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững năm 2017 chưa được phân bổ, dự kiến tổng kinh phí là: 161,712 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 122,654 tỷ đồng;

+ Nguồn ngân sách địa phương: 29,467 tỷ đồng;

+ Nguồn vốn huy động cộng đồng (bao gồm hỗ trợ của các doanh nghiệp, các tổ chức đoàn thể, cộng đồng và người dân): 9,591 tỷ đồng.

+ Nguồn huy động các tổ chức nước ngoài: 18.600 USD.

3. Tình hình triển khai và kết quả thực hiện

3.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo năm 2016:

- Về chỉ tiêu, mục tiêu giảm nghèo: Phân đầu hàng năm giảm 2% trở lên, trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 3% và hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 4% trở lên (*theo chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2016-2020*).

- Về kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo: Theo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo cuối năm 2016, tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh chiếm 19,20% (điều tra cuối năm 2015 là 19,26%), đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 40,38 % (điều tra cuối năm 2015 là 40,76%) và đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ chiếm 53,79% (điều tra cuối năm 2015 là 54,40%). Như vậy, kết quả tỷ lệ hộ nghèo giảm không đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.

- Một số nguyên nhân chính dẫn đến tỷ lệ hộ nghèo tăng như sau:

* Nguyên nhân chủ quan:

+ Việc thực hiện quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo diễn ra tại cơ sở (thôn, bon, buôn, tổ dân phố) đó là: điều tra thu thập thông tin về tài sản, thu nhập; họp dân đánh giá; tổng hợp kết quả điều tra; niêm yết công khai tại thôn, buôn....Như vậy, khẳng định tính chính xác về xác định số hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc trách nhiệm của các địa phương, phụ thuộc vào điều tra viên (Bí thư Chi bộ, trưởng thôn) và sự chỉ đạo đồng bộ của cấp ủy đảng, chính quyền và giám sát của các tổ chức đoàn thể cấp xã, cấp huyện.

+ Trong quá trình triển khai thực hiện, từ cấp tỉnh đến cấp xã đều thành lập Ban chỉ đạo điều tra, rà soát hộ nghèo nhưng đa số thành viên Ban chỉ đạo không tham gia đôn đốc, kiểm tra, giám sát tại địa bàn được phân công phụ trách. Việc triển khai thực hiện chủ yếu tập trung vào ngành Lao động – Thương binh và Xã hội. Đặc biệt, một số lãnh đạo cấp ủy, chính quyền chưa thực sự quan tâm đến công tác điều tra, rà soát hộ nghèo hàng năm.

+ Điều tra, rà soát hộ nghèo cuối năm 2016 cùng với dịp các địa phương thực hiện tiêu chí đánh giá thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 – 2020 và thực hiện đánh giá tiêu chí huyện nghèo áp dụng cho giai đoạn 2017 – 2020. Theo đó, tỷ lệ hộ nghèo là tiêu chí bắt buộc để xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn và huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao để được áp dụng cơ chế đầu tư theo Nghị quyết 30a nên Lãnh đạo cấp ủy, chính quyền một số địa phương còn tư tưởng cố tình tăng tỷ lệ hộ nghèo để được phê duyệt thôn, xã đặc biệt khó khăn và huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao, thụ hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ từ Nhà nước.

+ Việc quản lý nhân hộ khẩu trên địa bàn và một số địa phương còn hạn chế, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, hộ nghèo sinh sống ở sát bìa rừng, ven sông,... trong quá trình điều tra, rà soát năm 2015 bị sót, năm 2016 mới rà soát là một trong những nguyên nhân tăng tỷ lệ hộ nghèo.

** Nguyên nhân khách quan:*

+ Theo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ, việc xác định hộ nghèo phải dựa trên tiêu chí thu nhập, đồng thời còn dựa trên tiêu chí mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản (y tế; giáo dục; nhà ở; nước sạch và vệ sinh; thông tin). Do đó, có những hộ gia đình có điều kiện kinh tế khá nhưng lại thiếu hụt các tiêu chí tiếp cận các dịch vụ xã hội và rơi vào hộ nghèo.

+ Một số chỉ tiêu chấm điểm ước tính thu nhập của hộ (phiếu B) chưa phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế, thu nhập của người dân trên địa bàn tỉnh (chỉ tiêu về đất đai, tài sản chủ yếu...) chưa phản ánh đúng thực trạng của hộ nghèo, từ đó dẫn đến cách xác định và phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa thật sự chính xác.

+ Dân di cư tự do nhập cư vào tỉnh; hộ mới tách ra từ hộ nghèo.

3.2. Kết quả thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo

** Hỗ trợ vay vốn tín dụng cho người nghèo:* Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh đã phối hợp với chính quyền địa phương và các hội, đoàn thể triển khai cung cấp tín dụng ưu đãi cho 16.782 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, với số tiền là 534,9 tỷ đồng, tổng số tiền dư nợ cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo là 941 tỷ đồng.

** Hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình giảm nghèo:* Các cơ quan, đơn vị và tổ chức đoàn thể trên địa bàn toàn tỉnh đã huy động sự hỗ trợ nguồn lực của Trung ương, địa phương, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh cho việc xây dựng thực hiện các mô hình giảm nghèo. Trong năm 2016, đã tiến hành triển khai xây dựng 2 dự án chăn nuôi bò sinh sản tại 02 xã Đắc Wer và xã Nghĩa Thắng, huyện Đắc R'Lấp với tổng kinh phí 500 triệu đồng.

** Hỗ trợ về giáo dục và đào tạo:* Trong năm 2016, ngành Giáo dục và Đào tạo của tỉnh đã xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho 4.572 lượt học sinh nghèo với tổng số tiền thực hiện là 1.062 tỷ đồng; đồng thời, các ngành, tổ chức xã hội, cơ quan đoàn thể các cấp đã tổ chức vận động, quyên góp tặng dụng cụ học tập, trao học bổng, cử tuyển cho các học sinh nghèo hiếu học ở vùng sâu vùng xa, con em hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

** Hỗ trợ về Y tế:* Triển khai chính sách hỗ trợ về y tế cho người nghèo, đồng bào DTTS và cận nghèo thông qua hình thức cấp thẻ BHYT, năm 2016 đã có 179.712 người nghèo, đồng bào DTTS được cấp thẻ BHYT, với tổng kinh phí thực hiện trên 170.123 triệu đồng; có 18.465 người thuộc hộ cận nghèo được hỗ trợ mua thẻ BHYT, với tổng kinh phí thực hiện là: 15.542 triệu đồng. Năm 2017, đã cấp thẻ BHYT cho 235.658 người, với tổng kinh phí khoảng 167.317 triệu đồng; trong đó, người thuộc diện hộ nghèo 92.020 thẻ; người DTTS thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn 91.499 thẻ, người sống ở vùng đặc biệt khó khăn 33.344 thẻ và người thuộc diện hộ cận nghèo 18.795 thẻ.

** Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo:* Triển khai Đề án hỗ trợ về nhà ở đối với hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh, trong năm 2016 toàn tỉnh đã hỗ trợ xây dựng cho 120 căn nhà cho hộ nghèo, với tổng kinh phí thực hiện là 3.000 triệu đồng, trong đó, có 99 hộ nghèo được hỗ trợ lãi suất vay vốn cải thiện nhà ở với tổng kinh phí cho vay là 2.475 triệu đồng. Ngoài ra, từ nguồn vận động, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tỉnh đã xây dựng mới 08 căn nhà tình thương cho hộ nghèo, với tổng kinh phí thực hiện hơn 400 triệu đồng.

* *Chương trình 30a, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững tại huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao áp dụng cơ chế theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP:* Theo đó, năm 2016 huyện Đắk Glong được Trung ương bố trí vốn đầu tư phát triển thực hiện Đề án năm 2016 là 14.700 triệu đồng, đã triển khai thực hiện đầu tư 04 công trình chuyên tiếp, trong đó: Số công trình đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh: 03 công trình, gồm: Đường giao thông liên thôn thôn 4-5 xã Đắk Ha, đường giao thông liên xã Đắk Som- Đắk R' măng, đường giao thông vào Bệnh viện Đa khoa huyện. Số công trình để đảm bảo chuẩn hóa về giáo dục: 01 công trình là Trường THCS Quảng Hòa.

* *Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn; thôn, bon, buôn đặc biệt khó khăn và chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất:*

- *Đối với dự án hỗ trợ cơ sở hạ tầng:* Năm 2016, tổng số kinh phí được giao là: 37.260 triệu đồng, tổng số công trình và kinh phí phân theo hạng mục các công trình giao thông là: 25 công trình; trường học là 19 công trình, nước sinh hoạt tập trung là 04 công trình, nhà sinh hoạt cộng đồng là 39 công trình, 02 sân bóng đá, 01 trạm khuyến nông, 01 khu vui chơi thiếu nhi, trong đó số công trình khởi công mới là: 80 công trình; số công trình chuyên tiếp là: 01 công trình; Tuy nhiên, đến ngày 14/3/2017 UBND tỉnh mới có Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục công trình năm 2016 và các chủ đầu tư đang triển khai thực hiện.

- *Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất:* Năm 2016, tổng kinh phí được giao là: 13.057 triệu đồng, hỗ trợ cho các nội dung: Bổ sung và nâng cao kiến thức phát triển kinh tế hộ gia đình, áp dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất, tiếp cận tín dụng, thông tin thị trường, sử dụng đất đai hiệu quả; hỗ trợ giống, phân bón, vật tư phục vụ chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế... trong đó: hỗ trợ 10.000 cây giống, 5.439,09 kg giống ngô, 925 con gà, 733 con ngan, 599.808,35 kg phân bón các loại, 6.364m ống nước tưới, 3.613,98 kg lúa giống, 13 con lợn giống, 19 con trâu, công cụ sản xuất 131 cái và thức ăn gia súc 13.000 kg, tiến độ thực hiện 100%, tỷ lệ giải ngân 100% so với kế hoạch.

- *Tập trung nguồn lực xây dựng mô hình địa bàn trọng điểm (thôn, bon, buôn):*

Nhằm cải thiện và từng bước nâng cao điều kiện sống của người nghèo, đặc biệt là người đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ ở những địa bàn trọng điểm có tỷ lệ hộ nghèo cao, hạn chế sự chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng, giữa dân tộc thiểu số với dân tộc kinh trên địa bàn toàn tỉnh, UBND các huyện, thị xã đã tiến hành lựa chọn từ 1 – 2 địa bàn trọng điểm để xây dựng kế hoạch cụ thể, tập trung các nguồn lực thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững.

Như vậy, đến thời điểm hiện nay đã có 6/8 huyện: Cư Jut, Đắk Mil, Đắk Song, Tuy Đức, Đắk Glong, Đắk R'lấp đã tiến hành lựa chọn địa bàn trọng điểm và xây dựng kế hoạch cụ thể để tập trung nguồn lực giảm nghèo, tạo cơ hội cho người nghèo, người cận nghèo tại các thôn, bon trọng điểm được tiếp cận đầy đủ các chính sách hỗ trợ của Nhà nước để phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống, tăng thu nhập và thoát nghèo.

II. Đánh giá kết quả triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững

1. Mặt đạt được:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể đã vào cuộc một cách quyết liệt, tích cực hơn; nhận thức của hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò và tầm quan trọng về công tác giảm nghèo được chuyển biến tích cực rõ nét.

- Các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, vận động xã hội hóa và lồng ghép từ chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững được thực hiện đồng bộ trên địa bàn tỉnh; cơ bản bao phủ được số hộ nghèo và địa bàn xã còn khó khăn; người nghèo tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống để các hộ vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Các địa phương đã nhận thức rõ ý nghĩa, yêu cầu, mục tiêu về giảm nghèo trong chiến lược kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đã tích cực, chủ động triển khai thực hiện chương trình; thực hiện việc phân công các thành viên, hội viên của cơ quan, đơn vị giúp đỡ các thôn, buôn nghèo, các hộ nghèo, gắn công tác kết nghĩa thôn, buôn với công tác giảm nghèo.

2. Một số hạn chế, tồn tại:

- Một bộ phận cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và không ít người dân chưa có nhận thức đúng và đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của giảm nghèo, dẫn đến người nghèo, xã nghèo vẫn còn tình trạng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa chủ động vươn lên thoát nghèo. Các tổ chức, đoàn thể vẫn chưa triển khai một cách đồng bộ trong việc thực hiện phân công cụ thể đoàn viên, hội viên của tổ chức mình giúp đỡ các hộ nghèo vươn lên thoát nghèo.

- Thiếu sự quan tâm, phối hợp của một số Sở, Ban, ngành liên quan và UBND cấp huyện đến công giảm nghèo. Công tác tuyên truyền, vận động chưa thường xuyên, kịp thời về các chủ trương, chính sách giảm nghèo của Đảng và Nhà nước đối hộ nghèo.

- Chương trình giảm nghèo là chương trình cần có sự điều hành đồng bộ, tính lồng ghép cao nhưng trong quá trình tổ chức thực hiện thì các cơ quan quản lý triển khai các dự án, chính sách còn mang tính độc lập, riêng lẻ mà chưa có sự phối hợp; đặc biệt là các Dự án giảm nghèo của các tổ chức nước ngoài tài trợ, hỗ trợ triển khai thực hiện trên địa tỉnh nhưng cơ quan thường trực giảm nghèo thường xuyên không biết tình hình, tiến độ, kết quả và hiệu quả, tác động giảm nghèo của Dự án.

- Công tác điều tra, rà soát hộ nghèo tại một số địa phương còn bất cập. Qua kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2016 tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh chiếm 19,20% (điều tra cuối năm 2015 là 19,26%), như vậy tỷ lệ giảm không đạt so với Nghị quyết đề ra. Mặc khác, đã tập trung ưu tiên nhiều nguồn lực cho các vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao, nhiều chính sách ưu tiên đối với người dân tộc thiểu số tại chỗ nhưng đến cuối năm 2016 vẫn còn 02 huyện (Tuy Đức, Đăk Glông) có tỷ lệ hộ nghèo trên 50%; 22 xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 20%.

- Theo chủ trương chỉ đạo của Trung ương về việc triển khai thực hiện chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội cho hộ nghèo chỉ áp dụng cho hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập (N1), còn các hộ nghèo thiếu hụt về các dịch vụ xã hội cơ bản (N2) hiện tại vẫn chưa có các chính sách hỗ trợ, dẫn đến việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội cho người

nghèo tại các địa phương gặp nhiều khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai, thực hiện (như chính sách về BHYT, chính sách 102, hỗ trợ tiền điện...).

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số địa phương chưa thường xuyên, liên tục và kịp thời. Một số Lãnh đạo của các ngành, các cấp còn có tư tưởng xem công tác giảm nghèo là của ngành Lao động – TBXH đảm nhận. Do vậy, việc quán triệt, chỉ đạo giao “trọn gói” cho Ngành Lao động – TBXH chịu trách nhiệm.

- Các thành viên Ban chỉ đạo giảm nghèo các cấp đã được phân công phụ trách địa bàn để chỉ đạo, theo dõi và giám sát nhưng chưa thực hiện thường xuyên, kịp thời do một phần công việc chuyên môn và kinh phí hoạt động còn hạn chế.

- Cơ quan thường trực ngành Lao động – Thương binh và Xã hội còn bị động trong quá trình tổng hợp, báo cáo do các ngành, các cấp chưa thường xuyên, kịp thời báo cáo về để tổng hợp.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:

Ngoài các nguyên nhân khách quan về điều kiện sản xuất, xuất phát điểm về kinh tế thấp, các chính sách hỗ trợ của Nhà nước manh mún, dàn trải, nguồn kinh phí phân bổ hàng năm còn chậm và thiếu so với nhu cầu thực tế, các điều kiện tạo sinh kế cho người dân không thuận tiện... còn có các nguyên nhân chủ quan, cụ thể như sau:

- Một số địa phương có biểu hiện chạy theo thành tích, muốn được công nhận xã nông thôn mới hoặc để được hưởng các cơ chế, chính sách của Nhà nước đối với các huyện nghèo, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, dẫn đến cục bộ trong công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2016 biến động bất thường.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo ở một số địa phương còn lúng túng, còn tình trạng nể nang, né tránh, chưa kiên quyết trong công tác điều tra, rà soát và bình xét hộ nghèo dẫn đến tình trạng còn sai, sót hộ nghèo; một số xã việc quản lý số liệu hộ nghèo chưa đảm bảo chặt chẽ, báo cáo số liệu hộ nghèo chưa thống nhất trong cấp Ủy, chính quyền, đoàn thể.

- Kỹ năng làm việc của cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã và cán bộ được phân công làm công tác giảm nghèo tại thôn, bon còn hạn chế. Mặc dù đã triển khai tập huấn và hướng dẫn thông qua các mẫu biểu cụ thể nhưng khi đi vào thực hiện còn nhiều lúng túng, thiếu hoặc chưa chủ động trong việc phối hợp, bóc tách số liệu.

- Chủ trương, cơ chế áp dụng chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội của Trung ương thực hiện chưa đồng bộ, dẫn đến việc triển khai thực hiện ở địa phương còn lúng túng, ý kiến của người nghèo phản ánh đối với chủ trương chỉ thực hiện chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội cho hộ nghèo về thu nhập, còn các hộ nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản chưa được áp dụng thụ hưởng chính sách.

- Bản thân một bộ phận người nghèo vẫn tồn tại tư tưởng ỷ lại, an phận, thiếu phương án làm ăn cụ thể, thiếu quyết tâm vươn lên thoát nghèo, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước; còn tồn tại tâm lý ngại ngại việc đăng ký thoát nghèo.

III. Nhiệm vụ, giải pháp:

Để thực hiện thành công những mục tiêu về giảm nghèo trong 2017 và những năm tiếp theo, cần phải thực hiện có hiệu quả một số giải pháp cơ bản sau:

1. Về công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành:

- Nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp Ủy đảng, sự điều hành quyết liệt của chính quyền; đặc biệt gắn nhiệm vụ cụ thể và phát huy tối đa sự tham gia, vận động, tuyên truyền của các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương để thực hiện tốt công tác giảm nghèo. Công tác giảm nghèo coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của các cấp, các ngành và toàn xã hội và chỉ tiêu giảm nghèo hàng năm đưa vào đánh giá thi đua, xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu các cấp ủy, chính quyền xã, huyện.

- Tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và những người có điều kiện về khả năng kinh tế, hiểu biết về khoa học kỹ thuật, cách làm kinh tế gia đình có hiệu quả, xây dựng kế hoạch phân công mỗi hội viên, đoàn viên của cơ quan, đơn vị của mình giúp đỡ 1- 2 hộ nghèo vươn lên thoát nghèo. UBND cấp huyện, xã ký kết giao ước, cung cấp danh sách chi tiết hộ nghèo, hộ cận nghèo cho các tổ chức đoàn thể cùng cấp để theo dõi, giúp đỡ hội viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo của tổ chức mình.

- UBND các huyện, thị xã tiếp tục xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch tập trung lồng ghép, huy động nguồn lực đầu tư thực hiện công tác giảm nghèo bền vững tại các địa bàn thôn, bon, buôn trọng điểm.

2. Về công tác tuyên truyền:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho người nghèo về ý thức tự lực trong lao động sản xuất, thay đổi tư duy, thói quen canh tác, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, không trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước; nâng cao nhận thức và ý thức pháp luật cho người nghèo.

- Phát động phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; tôn vinh các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp về nguồn lực, cách làm hiệu quả trong công tác giảm nghèo bền vững. Đa dạng, phong phú các hình thức tuyên truyền như: Panô, áp phích, tờ rơi, thi các tác phẩm báo chí, sân khấu hóa và đối thoại chính sách giảm nghèo.

3. Về huy động và phân bổ nguồn lực:

- Thực hiện việc lồng ghép, phân bổ kịp thời, đúng quy định nguồn kinh phí để thực hiện các chương trình, chính sách giảm nghèo từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh cho các ngành và các địa phương triển khai thực hiện.

- Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện Chương trình; tăng cường huy động nguồn lực từ ngân sách địa phương và các nguồn huy động đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng. Đặc biệt, đánh giá tác động, hiệu quả, khả năng thoát nghèo khi tham gia các Dự án giảm nghèo đang triển khai trên địa bàn như Dự án 3E, Dự án giảm nghèo khu vực Tây nguyên.

- Tăng cường nguồn vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo mức vay tối đa quy định, đồng thời gắn trách nhiệm, cam kết sử dụng nguồn vay vốn đúng mục đích, hiệu quả và tác động đến khả năng thoát nghèo của hộ nghèo. Tránh tình trạng lâu nay việc giải ngân cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo mà không đánh giá được hiệu quả sử dụng nguồn vốn, khả năng vươn lên thoát nghèo.

4. Về tổ chức thực hiện:

- Đôn đốc các ngành, các cấp triển khai hiệu quả các chính sách, dự án giảm nghèo chung và giảm nghèo đặc thù cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh phê duyệt.

- Triển khai thực hiện chính sách xã hội đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; Thực hiện chính sách hỗ trợ có điều kiện gắn với đối tượng, địa bàn và thời hạn thụ hưởng nhằm tăng cường cơ hội tiếp cận chính sách và khuyến khích sự tích cực, chủ động tham gia của người nghèo.

- Tăng cường chỉ đạo các đợt điều tra, rà soát hộ nghèo hằng năm, kiểm điểm rõ trách nhiệm đối với địa phương để xảy ra những hạn chế, tiêu cực trong điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; các cấp cơ sở cần nắm chắc biến động hộ nghèo, đặc biệt kiểm soát chặt hộ nghèo phát sinh mới, tình trạng tách hộ nghèo, dân di cư chuyển đến; cụ thể các thông số để tiến hành phân loại hộ nghèo theo các nhóm đối tượng, xác định rõ nguyên nhân nghèo, nhu cầu của từng hộ nghèo, nhóm nghèo để từ đó có những giải pháp hiệu quả, thiết thực trong công tác giảm nghèo bền vững.

- Cập nhật dữ liệu, vận hành phần mềm xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã và quản lý hộ nghèo chặt chẽ theo các nhóm đối tượng qua mã số chi tiết của từng hộ nghèo.

- Tổ chức các đợt đánh giá, giám sát hiệu quả triển khai Chương trình giảm nghèo bền vững tại địa bàn.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình triển khai, thực hiện công tác giảm nghèo bền vững năm 2016 và 6 tháng đầu năm 2017 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- GD, PGD Sờ (đ/c Y'Long Niê);
- Lưu: VT, BTXH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**